|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| P PHÒNG GD&ĐT  HHUYỆN LONG ĐIỀN **MA TRẬN KIỂM TRA HKII NĂM HỌC 2022-2023**  **Môn: Toán 6**  ***Thời gian: 90 phút***  Hình thức ra đề: 30% trắc nghiệm(*12 câu*) + 70% tự luận  Theo tỉ lệ : 40% nhận biết, 30% thông hiểu, 20% vận dụng thấp, 10% vận dụng cao   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TÊN CHỦ ĐỀ** | **NHẬN BIẾT** | **THÔNG HIỂU** | **VẬN DỤNG** | | **CỘNG** | | **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** | | 1. **PHÂN**   **SỐ** | - Phân số bằng nhau, biểu diễn số nguyên dưới dang phân số, tính chất cơ bản của phân số | - So sánh phân số, Thực hiện các phép toán cộng, trừ, nhân chia đơn giản với phân số. | - Giải các bài toán tính giá trj phân số của một số, tìm một số biết giá trị phân số của số đó | - Bài toán tổng hợp |  | | *Số câu*  *Số điểm* | **3**  *1* | **1**  *0,75* | **2**  *1,0* | **1**  *0,5* | **7**  ***3,25 điểm*** | | 1. **2.SỐ THẬP PHÂN** | - Làm tròn số thập phân | Làm được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân | - Tính được tỉ số của hai số, tỉ số phần trăm. |  |  | | *Số câu*  *Số điểm* | **3**  *1,0* | **3**  *1,75* | **1**  *0,5* |  | **7**  ***3,25 điểm*** | | 1. **HÌNH HỌC TRỰC QUAN** | - Xác định tâm đối xưng, trục đối xứng của một hình. |  |  | |  | | *Số câu*  *Số điểm* | **3**  *0,75* |  |  |  | **3**  ***0,75 điểm*** | | 1. **HÌNH HỌC PHẲNG** | * Xác định được ba điểm thẳng hàng, các đương thẳng cắt nhau, song song. * Xác định được độ dài đoạn thẳng, trung điểm đoạn thẳng . * Xác định được góc, đỉnh của góc, điểm nằn trong,nằm ngoài góc, số đo góc, góc vuông, góc nhọn, góc tù. | | | |  | | *Số câu*  *Số điểm* | **3**  *1,0* | **2**  *0,5* | **1**  *0,5* | **1**  *0,5* | **7**  ***2,5 điểm*** | | 1. **MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT** | Khả năng xảy ra của một sự kiện, xác suất thực nghiệm |  |  |  |  | | *Số câu*  *Số điểm* | **1**  *0,25* |  |  |  | **1**  ***0,25 điểm*** | | *Tổng số câu*  *Tổng số điểm*  *Tỉ lệ %* | **13**  ***4***  *40%* | **6**  ***3,0***  *30%* | **4**  ***2,0***  *20 %* | **2**  ***1,0***  *10%* | **25**  ***10***  *100%* |   **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II**  ĐỀ THAM KHẢO  **Năm học: 2022-2023**  **MÔN: TOÁN - LỚP 6** |  |

**Đề 2**

**I. TRẮC NGHIỆM. (3 điểm)**

**Câu 1:** Đổi hỗn số  ra phân số, kết quả là:

A.  B.  C.  D.

**Câu 2.**  Khẳng định nào sau đây là đúng:

1. -31,25 > -10,09 B. -0,205 < -1,2

C. 3,04 = -3,04 D. -12,34 < -10,34

**Câu 3.** Phép so sánh nào sau đây là đúng?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** . | **B.** . | **C.** . | **D.** . |

**Câu 4:** Cho số thập phân 4, 56723 làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất, kết quả là:

A. 4,5. B. 4,6 . C. 4,7 . D. 5.

**Câu 5**. Cho hình vẽ, khẳng định nào sau đây là đúng ?

A picture containing diagram

Description automatically generated

**A.** . **B**.. **C**. **D**. .

**Câu 6**. Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau?

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Hai đường thẳng AB và AC song song với nhau.  **B**. Hai đường thẳng AB và AC cắt nhau.  **C**. Hai đường thẳng AB và AC trùng nhau.  **D**. Hai đường thẳng AB và AC có hai điểm chung. |  |

**Câu 7** Hãy **c**họn cách đọc đúng cho hình vẽ sau:

Shape

Description automatically generated with medium confidence

**A.** Tia AB. **B.** Đường thẳng AB

**C.** Đoạn thẳng AB. **D.** Đường thẳng BA**.**

**Câu 8**. Cho hình vẽ, hãy nêu tên gọi đúng của các góc theo thứ tự:

**Shape

Description automatically generated**Chart, shape, rectangle

Description automatically generatedChart, line chart

Description automatically generated

Chart

Description automatically generated

A. Góc bẹt, góc nhọn, góc vuông, góc tù

B. Góc bẹt, góc nhọn, góc tù, góc vuông

C. Góc tù, góc bẹt, góc vuông, góc nhọn

D. Góc bẹt, góc tù, góc vuông, góc nhọn

**Câu 9**. Cho hình vẽ, hãy chọn khẳng định đúng:

A. Điểm A nằm giữa hai điểm B và C.

B. Điểm B nằm giữa hai điểm A và C.

C. Điểm C nằm giữa hai điểm A và B.

D. Điểm D nằm giữa hai điểm A và C.

**Câu 10:** Trong các biển báo dưới đây, biển báo có trục đối xứng là



1

2

3

4

A. 1, 2, 3 B. 2, 3, 4 C. 1, 3, 4 D. 1, 2, 4

**Câu 11**. Để nói về khả năng xảy ra của một sự kiện, ta dùng một con số có giá trị từ:

A. 0 đến 1                   B. 1 đến 10                 C. 0 đến 10                 D. 0 đến 100

**Câu 12**. Xác xuất thực nghiệm của sự kiện A sau n hoạt động vừa thực hiện là  thì n (A) được gọi là:

A. Tổng số lần thực hiện hoạt động

B. Xác suất thực nghiệm của sự kiện A

C. Số lần sự kiện A xảy ra trong n lần đó

D. Khả năng sự kiện A không xảy ra

**II. TỰ LUẬN (7 điểm)**

**Bài 1: (2 điểm)** Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có)

a)  b)    
c)  d) 

**Bài 2: (1,5 điểm)**

Lớp 6A có 45 học sinh. Trong đó có số học sinh đăng kí học bơi. Số học sinh còn lại đăng kí học cầu lông.

a) Tính số học sinh đăng kí học cầu lông.

b) Tính tỉ số phần trăm của số học sinh đăng kí học bơi và số học sinh đăng kí học cầu lông.

**Bài 3: (1,0 điểm)** Một xạ thủ bắn 200 viên đạn vào một mục tiêu và thấy có 148 viên trúng mục tiêu. Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “Xạ thủ bắn trúng mục tiêu”.

**Bài 4: (2,0 điểm)**

Vẽ tia Ox, lấy hai điểm A, B thuộc tia Ox sao cho điểm A nằm giữa hai điểm O, B và OA = 4cm, AB = 4cm.

a) Tính độ dài đoạn thẳng OB.

b) Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OB không? Vì sao?

**Bài 5: ( 0,5 điểm)** Cho ; . So sánh A và B.

………….Hết ………..

*\** **Hướng dẫn chấm**

***Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Đáp án** | **A** | **D** | **A** | **B** | **C** | **B** | **C** | **A** | **B** | **D** | **A** | **C** |

**II. TỰ LUẬN (7 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **Bài 1**  (2 điểm) |  | 0,5 điểm |
| b) | 0,25 điểm |
|  | 0,25 điểm |
| c) |  |
|  | 0,25 điểm |
|  | 0,25 điểm |
| d) | 0,25 điểm |
| = 2,39 | *0*,25 điểm |
| **Bài 2**  (1,5 điểm) | Số học sinh đăng kí học bơi là: | 0,5 điểm |
| Số học sinh đăng kí học cầu lông là:  45 – 20 = 25 (HS) | 0,5 điểm |
| Tỉ số phần trăm của số HS đăng kí học bơi và HS đăng kí học cầu lông là: | 0,5 điểm |
| **Bài 3**  (1,0 điểm) | Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Xạ thủ bắn trúng mục tiêu” là: | 0,25 điểm |
|  | 0,75 điểm |
| **Bài 4**  (2,0 điểm) |  | 0,5 điểm |
| a) Vì điểm A nằm giữa 2 điểm O và B nên:  OB = OA + AB | 0,25 điểm |
| OB = 4 + 4 = 8 (cm) | 0,25 điểm |
| b) Điểm A là trung điểm của đoạn thẳng OB. Vì: | 0,5 điểm |
| Điểm A nằm giữa 2 điểm O và B | 0,25 điểm |
| OA = AB = 4(cm) | 0,25 điểm |
| **Bài 5**  (0,5 điểm) |  | 0,25 điểm |
| => 10A > 10B ( Vì )  => A > B | 0,25 điểm |